

Phụ lục 4
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
Bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG						31.188.271	24.847.049	16.138.830	10.278.180	11.974.600	
(1)	BQLDA ĐTXD các CT Giao thông tỉnh						14.769.425	11.066.565	8.826.709	5.260.781	4.707.670	
*	Dự án của tỉnh						13.397.525	9.694.665	7.992.604	4.426.677	4.409.659	
1	Thành phần II, đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2013-2026	Các xã Bình Sơn, Đông Sơn, Vạn Tường	629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	146.978	334.908	55.497	6.650	HT2026
2	Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ KKT Dung Quất, huyện Bình Sơn (giai	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2014-2026	Xã Vạn Tường	1611/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	695.578	695.578	692.577	692.577	2.850	Dự kiến điều chỉnh tăng TMĐT
3	Tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2014-2027	Xã Vạn Tường	1488/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	190.000	315.502	95.668	50.000	Đủ nhu cầu
4	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2019-2026	Phường Trương Quang Trọng và xã An Phú	1509/QĐ -UBND ngày 31/8/2018	1.498.000	1.498.000	1.340.810	1.340.810	18.500	HT2026
5	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2021-2027	Phường Trương Quang Trọng và xã Thọ Phong	1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; 2069/QĐ-UBND	694.057	694.057	425.048	425.048	260.000	Đủ nhu cầu
6	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần I	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2021-2026	xã Đông Sơn, An Phú, Tư Nghĩa và xã Mỏ Cày	592/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh	1.199.929	399.929	891.900	91.900	104.500	HT2026
7	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2022-2026	Các xã: Đông Sơn, Tịnh Khê, Mỏ Cày, Lân Phong	297/QĐ-UBND ngày 09/3/2022, 1970/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	900.000	190.000	691.859	60.000	130.000	HT2026
8	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất Phía Đông	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2016-2026	Xã Vạn Tường	1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015; 1405/QĐ-UBND, 22/06/2022	239.400	159.400	67.194	-	24.700	HT2026
9	Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất I	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2016-2026	Xã Vạn Tường	1874/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	146.876	97.728	93.580	44.056	6.650	HT2026
10	Đường nối Quốc lộ 1A đến đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi (giai đoạn 1)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2023-2026	xã Đông Sơn	417/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	14.995	14.995	11.997	11.997	909	HT2026
11	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	A	2023-2027	Các xã: Bình Sơn, Vạn Tường, Đông Sơn, Thọ Phong, Tịnh Khê và P. Trương	387/QĐ-UBND ngày 24/3/2023, 1894/QĐ-UBND ngày 10/12/2022	3.500.000	2.200.000	1.883.846	599.058	1.600.000	Dự kiến điều chỉnh tăng TMĐT

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
12	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc 1 - Bến Tam Thương)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2023-2026	Phường Nghĩa Lộ, Phường Cẩm Thành	1499/QĐ-UBND ngày 12/10/2024	380.000	124.000	251.518	20.200	43.000	HT2026
13	Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2025-2028	Các xã: Thọ Phong, Bình Sơn, Đông Sơn, Vạn Tường	1478/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	350.000	350.000	80.580	80.580	263.700	Đủ nhu cầu
14	Cầu Trà Khúc 1	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2025-2028	Phường Trương Quang Trọng và Nghĩa Lộ	589/QĐ-UBND ngày 08/8/2025	2.199.000	2.199.000	401.460	401.460	1.720.000	Đủ nhu cầu
15	Đê chắn cát, giám sóng và Nao vét thông luồng và Khu neo đậu tránh bão cảng cá Sa Huỳnh	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2023-2026	Phường Sa Huỳnh và xã Khánh Cường	1874/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	250.000	250.000	144.100	144.100	105.000	Đủ nhu cầu
16	Nâng cấp, mở rộng hệ thống tiêu Suối Kinh, chống ngập úng xã Tịnh Thọ và KCN Vsip	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2024-2026	Xã Thọ Phong	16/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	40.000	40.000	18.000	18.000	20.000	HT2026
17	Sửa chữa, mở rộng kênh tưới hồ chứa nước Tuyền Tung, huyện Bình Sơn	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2025-2027	Xã Bình Minh	912/QĐ-UBND ngày 27/8/2025	35.000	35.000	6.000	6.000	26.000	HT2027
18	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh An và xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2023-2026	Phường Trương Quang Trọng và Xã Tịnh Khê	1218/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	230.000	230.000	185.450	184.100	16.400	HT2026
19	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh Long và xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2023-2026	Xã Tịnh Khê	1140/QĐ - UBND ngày 28/7/2023	180.000	180.000	156.276	155.626	10.800	HT2026
*	Dự án của huyện chuyển về tỉnh						1.371.900	1.371.900	834.104	834.104	298.011	
	Bình Sơn											
20	Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ổ	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2019-2026	Xã Bình Sơn	1924/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	69.000	69.000	61.841	61.841	5.700	HT 2026
21	Cầu Thạch An (Bình Minh - Bình Mỹ)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2022-2026	Xã Bình Minh và xã Bình Chương	4425/QĐ-UBND ngày 04/12/2021	150.000	150.000	108.800	108.800	1.000	HT2026
22	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2021-2026	Xã Vạn Tường	656/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; 1684/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	350.000	350.000	250.158	250.158	10.000	
23	Dự án Đường từ ĐT.621 đi Lê Ngung	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2023-2026	Xã Bình Sơn	2297/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của CT UBND huyện Bình Sơn	20.000	20.000	9.606	9.606	9.500	HT 2026
24	Nghĩa trang Phố Tinh, xã Bình Phước	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2023-2026	xã Vạn Tường	1720/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	35.000	35.000	27.870	27.870	2.850	HT 2026
25	Trường THCS xã Bình Trung; Hạng mục: Khôi phục học tập, hành chính quản trị, hỗ trợ học tập 3 tầng	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2024-2026	Xã Bình Sơn	2121/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	12.000	12.000	11.000	11.000	291	HT2026

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
26	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Bình Nguyên	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2024-2026	Xã Bình Sơn	1983/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	14.700	14.700	11.510	11.510	2.850	HT 2026
27	Dự án Trồng cây xanh cụm công nghiệp Bình Nguyên	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2024-2026	Xã Bình Sơn	1146/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	12.700	12.700	1.350	1.350	9.500	HT 2026
28	Cải tạo, mở rộng chỉnh trang khuôn viên cây xanh Nghĩa trang liệt sỹ huyện và Nhà ghi ơn mẹ Việt Nam Anh Hùng	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2024-2026	Xã Bình Sơn	2063/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	14.000	14.000	9.950	9.950	3.800	HT 2026
29	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp tránh bão thôn Tây Phước	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2024-2026	Xã Bình Minh	2125/QĐ-UBND ngày 06/10/2024 của CTUBND huyện	1.500	1.500	20	20	1.330	HT 2026
	Sơn Tịnh											
30	Tuyến N9 Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh (mới)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2019-2026	Xã Sơn Tịnh	1921/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	48.000	48.000	20.100	20.100	17.100	HT 2026
31	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân - Quốc lộ 24B - Tịnh Thọ (Bình Hiệp - Tịnh Trà) (ĐH 20)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2022-2027	Các xã: Sơn Tịnh, Thọ Phong	3367/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	60.000	60.000	5.427	5.427	50.000	Đủ nhu cầu
32	Trung tâm văn hóa (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2023-2026	Xã Sơn Tịnh	2286/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	99.000	99.000	50.079	50.079	8.000	HT2026
33	Tuyến đường trục ngang N3 theo đồ án quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2025-2027	Xã Sơn Tịnh	702/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	65.000	65.000	4.100	4.100	55.000	Đủ nhu cầu
34	Tuyến đường huyện ĐH.15 (Bình Hiệp - Tịnh Trà)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2025-2027	Xã Ba Gia, Sơn Tịnh và Thọ Phong	552/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	40.000	40.000	4.100	4.100	35.000	Đủ nhu cầu
35	Tuyến N15 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2025-2027	Xã Sơn Tịnh	206a/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	7.000	7.000	3.273	3.273	1.900	HT 2026
	Sơn Hà											
36	Đường ĐH77 (Di Lăng-Sơn Bao)	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2022-2026	xã Sơn Hà	Quyết định số 4695/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	50.000	50.000	44.210	44.210	3.500	HT 2026
37	Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2022-2026	xã Sơn Hà	Quyết định số 4635/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	70.000	70.000	42.386	42.386	23.750	HT 2026
	Sơn Tây											
38	Kè chống sạt lở TT huyện	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2021-2026	Xã Sơn Tây & Sơn Tây Thượng	2949/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	75.000	75.000	65.050	65.050	7.600	HT 2026
39	Cầu Sơn Mùa và đường vào hai đầu cầu	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2021-2026	Xã Sơn Tây & Sơn Tây Thượng	3112/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	79.000	79.000	59.968	59.968	15.000	HT 2026
	Trà Bồng											
40	Nhà công vụ Công an huyện	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	C	2023-2026	xã Trà Bồng	5804/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	10.000	10.000	4.607	4.607	3.040	HT 2026
41	Tuyến đường Trà Thanh, huyện Trà Bồng đi Trà Giáp, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	2024-2027	xã Thanh Bồng	5992/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	90.000	90.000	38.700	38.700	31.300	Đủ nhu cầu
(2)	BQLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh						5.227.946	5.117.946	1.599.489	1.458.790	3.167.321	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
*	Dự án của tỉnh						2.731.000	2.711.000	569.152	518.453	1.968.525	
42	Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và đường vành đai xung quanh sân vận động	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	2022-2026	Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi	49/NQ-HĐND, 21/7/2021	90.000	70.000	50.749	50	35.000	HT 2026
43	Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế của ngành Y tế	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	2024-2027	Phường Nghĩa Lộ, Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	33/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	350.000	350.000	237.624	237.624	105.000	Đủ nhu cầu
44	Trường Chính trị tỉnh (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	C	2024-2026	Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi	37/NQ-HĐND ngày 21/7/2024	80.000	80.000	54.879	54.879	11.700	HT 2026
45	Trường THPT Lý Sơn	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	2024-2026	Đặc khu Lý Sơn	42/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	79.000	79.000	50.200	50.200	6.825	HT2026
46	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư và khu nghĩa địa cải tăng mô mã phục vụ các dự án tại Khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị Bình Thạnh	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	2025-2028	Khu KT Dung Quất	43/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	232.000	232.000	16.300	16.300	200.000	Đủ nhu cầu
47	Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	2025-2028	Phường Cẩm Thành, phường An Phú, tỉnh Quảng Ngãi	41/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	1.000.000	1.000.000	109.400	109.400	830.000	Đủ nhu cầu
48	Công viên Cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	2025-2028	Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi	12/NQ-HĐND ngày 30/7/2024	900.000	900.000	50.000	50.000	780.000	Đủ nhu cầu
*	Dự án của huyện chuyển về tỉnh						2.496.946	2.406.946	1.030.337	940.337	1.198.796	
	Tư Nghĩa											
49	Trường mầm non Nghĩa Thắng	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	C	2025-2027	xã Trà Giang	Quyết định số 3828/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	5.000	5.000	1.782	1.782	2.950	Đủ nhu cầu
50	Trường mầm non thị trấn Sông Vệ	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	C	2025-2027	xã Vệ Giang	6182/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	4.050	4.050	2.282	2.282	1.465	Đủ nhu cầu
51	Sửa chữa, nâng cấp dự án đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ - đèo Chim Hút	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	C	2023-2026	xã Nghĩa Giang và xã Trà Giang	4052/QĐ-UBND ngày 4/7/2023	40.000	40.000	30.000	30.000	7.500	Đủ nhu cầu
52	Nâng cấp, sửa chữa hội trường và trụ sở làm việc Huyện uỷ Tư Nghĩa	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	C	2024-2026	xã Tư Nghĩa	Quyết định số 8148/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	6.500	6.500	5.500	5.500	328	HT 2026

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
	Nghĩa Hành											
53	Hồ chứa nước Suối Đá	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2021-2026	xã Thiện Tín	2061/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	102.252	12.252	93.540	3.540	5.000	Vướng GPMB
54	Nâng cấp đường huyện ĐH.56C (Hành Minh - Hành Đức - Hành Phước)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2023-2026	xã Đình Cương, Phước Giang	2149/QĐ-UBND 25/10/2022	45.000	45.000	37.500	37.500	6.650	Đủ nhu cầu
55	Khắc phục sạt lở đoạn bờ Sông Vệ, thôn Phú Lâm Tây, xã Hành Thiện	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2025-2027	xã Thiện Tín	2001/QĐ-UBND 23/04/2025	40.000	40.000	36.000	36.000	1.825	Đủ nhu cầu
	Minh Long											
56	Xây dựng 04 phòng học trường THCS Long Sơn	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2025-2027	Xã Sơn Mai	742/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	4.100	4.100	1.737	1.737	2.300	Đủ nhu cầu
	Thành phố Quảng Ngãi											
57	Đường Nguyễn Tự Tân (đoạn từ đường Trương Định đến đường Trần Thái Tông)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2017-2026	Phường Nghĩa Lộ	1589/QĐ-UBND 31/8/2016	14.029	14.029	7.068	7.068	500	HT 2026
58	Mở rộng nút giao thông ngã 5 cũ, thành phố Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2022 - 2027	Phường Nghĩa Lộ và phường Cẩm Thành	521/QĐ-UBND 18/02/2022	95.000	95.000	2.000	2.000	79.560	Đủ nhu cầu
59	Đường Trần Quý Hai (đoạn từ đường Ngô Sĩ Liên đến đường Hùng Vương)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2017-2026	Phường Nghĩa Lộ	7324/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	20.674	20.674	12.227	12.227	350	HT 2026
60	Đường Trương Quang Cận thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến đường Lương Thế Vinh)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2014-2026	Phường Cẩm Thành	3187/QĐ-UBND 07/08/2014	12.463	12.463	10.422	10.422	1.500	HT 2026
61	Đường Nguyễn Cư Trinh và đoạn nối dài từ đường Mạc Đĩnh Chi tới đường Phan Bội Châu	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2020-2026	Phường Nghĩa Lộ	7373/QĐ-UBND 30/10/2019	22.000	22.000	10.851	10.851	1.175	HT 2026
62	Đường Lê Thánh Tôn, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Ngã Tư Ba La)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2015-2027	Phường Cẩm Thành và xã An Phú	1566/QĐ-UBND 30/10/2013	121.041	121.041	32.761	32.761	88.000	Đủ nhu cầu
63	Đường Nguyễn Hữu Cánh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2023-2026	Phường Cẩm Thành	1539/QĐ-UBND 18/4/2022	70.000	70.000	3.646	3.646	60.000	Đủ nhu cầu
64	Nâng cấp, chỉnh trang các trục đường chính trên địa bàn thành phố (thực hiện đầu tư, cải tạo các hạng mục: Nền mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2022-2026	Phường Cẩm Thành, phường Trương Quang Trọng, phường Nghĩa Lộ và xã An Phú	7526/QĐ-UBND 12/12/2022	100.000	100.000	80.699	80.699	801	HT 2026
65	Tuyến đường nối từ đường Trần Anh Tông đến KDC 623C Nghĩa Dũng	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2023-2026	Xã An Phú	5952/QĐ-UBND 10/11/2022	45.000	45.000	3.034	3.034	35.000	Đủ nhu cầu
66	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2024-2027	Các xã, phường: Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Trương Quang Trọng, An Phú và Tịnh Khê	7862/QĐ-UBND 29/12/2023	68.000	68.000	35.750	35.750	29.000	Đủ nhu cầu

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
67	Đầu tư, nâng cấp các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2023-2026	Các xã, phường Nghĩa Lộ; Trương Quang Trọng; Cẩm Thành; Tịnh Khê; xã An Phú và Đông Sơn	1958/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	231.746	231.746	65.744	65.744	166.000	Đủ nhu cầu
68	Đầu tư, nâng cấp các Trường THCS trên địa bàn thành phố	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2022-2027	P Cẩm Thành, P Trương Quang Trọng, P Nghĩa Lộ, xã Tịnh Khê và xã Đông Sơn	7604/QĐ-UBND 13/12/2022	140.372	140.372	45.633	45.633	85.000	Đủ nhu cầu
69	Đầu tư, nâng cấp các Trường Mầm non trên địa bàn thành phố	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2025-2027	Xã An Phú	4985/QĐ-UBND 05/11/2024	36.610	36.610	9.000	9.000	27.610	Đủ nhu cầu
70	Xây dựng Trường TH & THCS Chu Văn An, thành phố Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2024-2027	Phường Nghĩa Lộ	338/QĐ-UBND 05/02/2025	154.000	154.000	11.600	11.600	120.000	Vướng, chưa phê duyệt thiết kế, thay đổi đề án, trường liên cấp do chính quyền địa phương 2 cấp
71	Nghĩa Trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2025-2028	Phường Trương Quang Trọng	1613/QĐ-UBND 08/4/2025	160.000	160.000	1.000	1.000	159.000	Đủ nhu cầu
72	Đầu tư các vườn hoa, cây xanh trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2023-2026	Các xã, phường: Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Trương Quang Trọng, An Phú và Tịnh Khê	7359/QĐ-UBND 05/12/2022	29.000	29.000	7.089	7.089	6.316	Đủ nhu cầu
73	Đầu tư, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường và thôn hẻm phố trên địa bàn thành phố	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2023-2026	Các xã, phường Cẩm Thành, Trương Quang Trọng, Nghĩa Lộ, An Phú, Tịnh Khê và Đông Sơn	4372/QĐ-UBND 27/9/2023	80.000	80.000	36.315	36.315	1.500	HT 2026
74	Nâng cấp, chỉnh trang trục đường Phạm Văn Đồng và Quảng trường thành phố	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2023-2026	Phường Cẩm Thành	4860/QĐ-UBND 16/10/2023	146.300	146.300	79.974	79.974	22.000	Đủ nhu cầu
75	Đường Trà Bồng Khởi Nghĩa, thành phố Quảng Ngãi (Đoạn từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Quang Trung)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2023-2027	Phường Cẩm Thành	6699/QĐ-UBND 25/11/2022	65.000	65.000	5.499	5.499	53.000	Đủ nhu cầu
	Mộ Đức											
76	Tuyến đường Đông Thị trấn (đường nội thị), huyện Mộ Đức	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2017-2027	Xã Mộ Đức	2085c/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	70.000	70.000	28.006	28.006	41.000	Đủ nhu cầu
77	Tuyến đấu nối các tuyến đường nội thị	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2018-2026	Xã Mộ Đức	4798/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017	14.859	14.859	9.257	9.257	4.000	Vướng GPMB
78	Tuyến đường Đức Tân (Queo Thừa Xuân) - Quốc Lộ 24 (Đoạn nội thị)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2022-2026	Xã Mộ Đức	17316/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	75.500	75.500	60.000	60.000	11.750	HT 2026
79	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Phước An - Phước Mỹ, xã Đức Hòa	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2025-2027	Xã Mộ Đức	4524/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	14.950	14.950	4.500	4.500	8.417	Đủ nhu cầu

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
80	Kè gia cố thượng lưu Cầu cây da, xã Đức Phú	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2025-2027	Xã Mộ Đức	2208/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	4.500	4.500	1.200	1.200	3.300	Đủ nhu cầu
	Đức Phổ											
81	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2022-2026	Phường Đức Phổ	13591/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 2715/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	100.000	100.000	81.448	81.448	10.000	HT 2026
82	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mỹ Trang - Phô Khánh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2024-2026	Xã Khánh Cường	4995/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	21.000	21.000	10.973	10.973	6.000	HT 2026
83	Khắc phục các điểm sạt lở bờ sông Trà Cầu đoạn qua phường Phô Minh, thị xã Đức Phô	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2024-2026	Phường Đức Phổ	1409/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	80.000	80.000	23.000	23.000	50.000	Đủ nhu cầu
84	Hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến Sông Rô)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2022 - 2026	Phường Đức Phổ	2973/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	170.000	170.000	142.000	142.000	20.000	Đủ nhu cầu
	Ba Tơ											
85	Đường Ba Tơ đi thôn Cây Muối xã Ba Trang (Đường từ Ngã 3 Hòn Hôa đi thôn Cây Muối xã Đặng Thùy Trâm)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	2025-2027	Xã Đặng Thùy Trâm	3488/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	88.000	88.000	1.300	1.300	80.000	Đủ nhu cầu
(3)	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh						2.764.327	2.730.033	1.317.343	1.284.342	1.063.592	
*	Dự án của tỉnh						1.427.655	1.427.655	787.234	787.234	450.785	
86	Khu dân cư Yên Phú	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	B	2012-2026	Phường Nghĩa Lộ	832/QĐ-UBND ngày 10/6/2011	123.873	123.873	71.043	71.043	5.000	Vướng BTGPMB Đủ nhu cầu
87	Khu tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ cho dự án xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi.	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	B	2016-2026	Xã Tịnh Khê	312/QĐ-UBND ngày 29/02/2016	101.957	101.957	87.007	87.007	285	Đủ nhu cầu
88	Khu dân cư phía Bắc đường Huỳnh Thúc Kháng	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	B	2018-2027	Phường Nghĩa Lộ	253/QĐ-UBND ngày 02/3/2022	229.943	229.943	177.024	177.024	45.000	Đủ nhu cầu
89	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	C	2017-2027	Xã Tịnh Khê	1416/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh	39.590	39.590	24.770	24.770	10.500	Đủ nhu cầu
90	Kè và Khu dân cư nam sông Vệ	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	B	2017-2028	Xã Long Phụng	1793/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh	185.831	185.831	92.000	92.000	65.000	Đủ nhu cầu
91	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến Hai Bà Trưng)	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	B	2019-2028	Phường Nghĩa Lộ	505/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 và 1019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019	220.204	220.204	102.000	102.000	115.000	
92	Tạo khu đất sạch phục vụ xây dựng doanh trại các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	B	2025-2027	Xã Thọ Phong	660/QĐ-SXD ngày 05/12/2026	73.900	73.900			15.000	Sử dụng nguồn tăng thu, TKC

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
93	Khu dân cư phía Nam đường Hai Bà Trưng (giai đoạn 1)	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	B	2016-2028	Phường Nghĩa Lộ	446/QĐ- UBND ngày 24/3/2016	246.357	246.357	92.500	92.500	150.000	Đủ nhu cầu
94	Khu đô thị mới phục vụ tái định cư khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	B	2016-2027	Phường Nghĩa Lộ	1964a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	206.000	206.000	140.890	140.890	45.000	Đủ nhu cầu
*	Dự án của huyện chuyển về tỉnh						1.336.672	1.302.378	530.109	497.108	612.807	
	Thành phố Quảng Ngãi											
95	Khu dân cư phục vụ tái định cư trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi - 0,8ha	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2023-2026	Phường Cẩm Thành	4637/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	10.663	10.663	587	587	10.075	Chi phí bồi thường giảm
96	Khu dân cư thôn Tân An, xã Nghĩa An	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2023-2026	Xã An Phú	7375/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	8.000	8.000	4.745	4.745	950	HT2026
97	Khu đô thị - Dịch vụ Mỹ Khê, thành phố Quảng Ngãi (Hạng mục đầu tư: GPMB, Xây dựng mới đường nội bộ; Vía hè, cây xanh, thoát nước mưa và san gạt thu gọn mặt đường)	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2025-2027	Xã Tịnh Khê	4055/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	32.284	32.284	913	913	10.000	Chi phí bồi thường giảm
98	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	B	2024-2027	Phường Trương Quang Trọng	3146/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	132.524	132.524	1.390	1.390	100.000	Đủ nhu cầu
99	Khu dân cư phía Nam đường Trần Văn Trà	Trung tâm PTQĐ tỉnh	B	2024-2027	Phường Trương Quang Trọng	Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	70.386	70.386	3.618	3.618	60.000	Vướng GPMB
100	Đầu tư hạ tầng tại khu đất quy hoạch xây dựng chợ Thu Lộ, phường Trần Phú	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2025-2027	Phường Nghĩa Lộ	4868/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	12.100	12.100	118	118	10.000	Đủ nhu cầu
	Sơn Tịnh											
101	Khu dân cư phân khu OM9, OM10 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	B	2020-2026	xã Sơn Tịnh	3815/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	60.000	60.000	40.381	40.381	551	HT2026
102	Khu tái định cư Vũng Tháo, thôn Thọ Trung, xã Tịnh Thọ (giai đoạn 1)	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2020-2026	xã Thọ Phong	965/QĐ-UBND ngày 10/7/2019	39.000	39.000	31.723	31.723	190	HT2026
103	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Đồng Miếu tại Trung tâm huyện lỵ huyện Sơn Tịnh mới (giai đoạn 1)	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2016-2028	xã Sơn Tịnh	4463/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	48.812	48.812	13.283	13.283	25.000	Đủ nhu cầu
104	Khu Thương mại - Dịch vụ và dân cư Tịnh Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	B	2018-2028	xã Thọ Phong	3926/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	70.215	70.215	18.959	18.959	45.000	Vướng GPMB
105	Khu dân cư OM6 tại trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới (giai đoạn 2)	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	B	2020-2028	xã Sơn Tịnh	3908/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	112.882	112.882	23.300	23.300	75.000	Đủ nhu cầu
106	Khu dân cư Đồng Trước, thôn Thọ Lộc Bắc và thôn Hà Nhai Nam, xã Tịnh Hà	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	B	2020-2028	xã Sơn Tịnh	3818/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	115.000	115.000	5.786	5.786	95.000	Đủ nhu cầu
	Tư Nghĩa											
107	Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	B	2018-2026	Xã Tư Nghĩa	5829/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 5056/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	92.193	92.193	74.203	74.203	8.550	HT2026
108	KDC phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2018-2027	Xã Vệ Giang	5551/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 6267/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	58.522	58.522	29.370	29.370	25.000	Đủ nhu cầu

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
109	Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	B	2020-2026	Xã Tư Nghĩa	2305/QĐ-UBND ngày 09/6/2020	147.500	147.500	124.982	124.982	9.025	HT2026
110	KDC phía Tây trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2021-2027	Xã Tư Nghĩa	10104/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	55.000	55.000	41.432	41.432	10.000	Đủ nhu cầu
	Đức Phổ											
111	Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2023-2026	Phường Đức Phổ	2344/QĐ-UBND ngày24/5/2023	35.000	35.000	4.562	4.562	27.000	Đủ nhu cầu
112	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2023-2026	Phường Đức Phổ	2073/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	42.600	42.600	8.167	8.167	30.000	Đủ nhu cầu
	Sơn Tây											
113	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2021-2026	xã Sơn Tây Thượng	2112/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	37.000	37.000	33.000	33.000	2.755	HT2026
114	Khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu dân cư Đăk Dép, xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2024-2026	xã Sơn Tây Hạ	1620/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	45.463	12.463	33.001	-	9.500	HT2026
	Sơn Hà											
115	Khu dân cư Gò Dép	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2021-2026	Xã Sơn Hà	2084/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	4.500	4.500	1.926	1.926	2.375	HT2026
116	Xây Dựng HTKT Khu Đất Tại Vị Trí DC3, DC4 thuộc đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Cà Tu (Giai Đoạn 1)	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2018-2027	Xã Sơn Hà	3166/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.500	4.500	2.286	2.286	1.074	HT2026
	Mộ Đức											
117	Mở rộng tuyến đường nội thị và KDC Nam cầu Vĩnh Phú	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2019-2027	Xã Mộ Đức	Số 4788/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	13.897	12.603	8.603	8.603	4.000	Vướng mặt bằng
118	Khu TMDV và KDC Nam Quán Hồng, xã Đức Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2020-2027	Xã Lân Phong	Số 4786/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.965	14.965	5.131	5.131	9.000	CĐT đề nghị chuyển về UBND xã Lân Phong, phần vốn còn lại đầu tư từ nguồn thu tiền SDD xã
119	KDC Đường QL1A-đường Đông thị trấn Mộ Đức (nút N5)	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2019-2027	Xã Mộ Đức	Số 4789/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.995	14.995	4.906	4.906	8.000	CĐT đề nghị chuyển về UBND xã Mộ Đức, phần vốn còn lại đầu tư từ nguồn thu tiền SDD xã
120	Khu dân cư Vườn Quán, xã Đức Thạnh	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2022-2026	Xã Mộ Cày	Số 17728/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	14.990	14.990	2.841	2.841	12.000	Đủ nhu cầu
121	Khu dân cư Vĩnh Thành xã Đức Minh	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2022-2026	Xã Mộ Cày	Số 17729/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	14.994	14.994	10.093	10.093	3.800	HT2026
122	Khu dân cư và tái định cư thị trấn Mộ Đức	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2024-2026	Xã Mộ Đức	Số 5131/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.995	14.995	550	550	11.962	CĐT đề nghị chuyển về UBND xã Mộ Đức, phần vốn còn lại đầu tư từ nguồn thu tiền SDD xã
123	Khu dân cư phía Tây chợ Thạch Trụ, xã Đức Lân	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	C	2024-2026	Xã Lân Phong	Số 5139/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	13.692	13.692	252	252	7.000	CĐT đề nghị chuyển về UBND xã Lân Phong
(4)	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi						3.671.726	2.025.726	2.130.787	484.787	1.329.000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
124	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	B	2022-2027	Xã Măng Đen, xã Măng Bút	683-30/12/2021	1.300.000	400.000	980.719	80.720	315.000	Dự kiến tăng TMDT do tăng chi phí bồi thường
125	Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ- phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla)	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	B	2020-2027	Phường Kon Tum	985-13/9/2019; 826-06/9/2021; 795-29/12/2023; 346-14/6/2024	457.126	457.126	176.626	176.626	200.000	Đủ nhu cầu
126	Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bla gắn với chỉnh trang đô thị	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	B	2019-2026	phường Đăk Bla, xã ngọc Bay	293-02/4/2019; 726-15/7/2019; 794-29/12/2023; 345-14/6/2024	87.000	87.000	56.218	56.218	4.000	HT2026
127	Trụ sở làm việc của UBND tỉnh, các sở ban ngành và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	B	2022-2026	phường Kon Tum	256-11/5/2022	245.000	245.000	147.510	147.510	40.000	Nhu cầu vốn theo dự kiến thực hiện điểm <u>điều chỉnh</u>
128	Đường Trục chính phía Tây thành phố Kon Tum	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	B	2020-2027	Phường Đăk Cẩm, xã Ngok Bay, xã Ia Chim, xã Đăk Rơ Wa	1020-18/10/2020; 338-08/6/2022; 660-15/10/2024	1.492.600	746.600	756.000	10.000	700.000	Đủ nhu cầu
129	Trung tâm văn hóa nghệ thuật tỉnh Kon Tum	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	B	2025-2028	Phường Kon Tum	632-03/12/2021	90.000	90.000	13.714	13.714	70.000	Đủ nhu cầu
(5)	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi						272.240	272.240	98.050	98.050	162.500	
130	Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi	B	2022-2026	Xã Đak Rơ Wa, tỉnh Quảng Ngãi	QĐ ĐC số 527/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	272.240	272.240	98.050	98.050	162.500	Đủ nhu cầu
(6)	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi						235.000	235.000	134.826	134.826	72.000	
131	Khu căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật	BCH Quân sự tỉnh	B	2022-2027	Xã Ba Gia, tỉnh Quảng Ngãi	22/QĐ-UBND, ngày 06/12/2021	60.000	60.000	20.000	20.000	20.000	Đủ nhu cầu
132	Đường hầm Sờ chỉ huy cơ bản huyện Ia H'drai	BCH Quân sự tỉnh	C	2023-2027	Xã Ia Toi, tỉnh Quảng Ngãi	546/QĐ-UBND, ngày 26/8/2021	40.000	40.000	24.776	24.776	14.000	Đủ nhu cầu
133	Hải đội Dân quân thường trực (Giai đoạn 2)	BCH Quân sự tỉnh	B	2024-2027	Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 08/9/2024	95.000	95.000	80.000	80.000	10.000	Đủ nhu cầu
134	Đường Hầm Sờ chỉ huy cơ bản thị xã Đức Phổ	BCH Quân sự tỉnh	C	2024-2027	Xã Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi	876/QĐ-QK ngày 09/5/2023	40.000	40.000	10.050	10.050	28.000	Đủ nhu cầu
(7)	Công an tỉnh						434.000	434.000	173.876	173.876	250.000	
135	Xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh	B	2024-2027	Các xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (cũ)	21/QĐ-UBND ngày 05/12/2023; 811/QĐ-UBND ngày 24/6/2026	434.000	434.000	173.876	173.876	250.000	Đủ nhu cầu
(8)	Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch						29.500	29.500	7.800	7.800	18.000	
136	Tôn tạo di tích Quốc gia Khu chứng tích Sơn Mỹ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	C	2025-2027	Xã Tịnh Khê	421/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	29.500	29.500	7.800	7.800	18.000	Đủ nhu cầu
(9)	Sở Y tế						274.326	274.326	111.134	111.134	140.000	
137	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường (giai đoạn 2)	Sở Y tế	B	2024-2027	P.Kon Tum	585/QĐ-UBND; 24/11/2023	274.326	274.326	111.134	111.134	140.000	Đủ nhu cầu

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
(10)	Sở Nông nghiệp và Môi trường						505.000	105.000	260.000	60.000	-	
138	Dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi	B	2023-2026	Xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	số 5045/QĐ-BNN ngày 27/12/2021 và 5921/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	505.000	105.000	260.000	60.000	-	Bổ trí từ nguồn tăng thu, TKC 45 tỷ đồng
(11)	Sở Xây dựng						274.284	107.484	217.831	57.950	44.679	
139	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 675 đoạn từ Km0 - Km24	Sở Xây dựng	B	2022-2026		số 678/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	129.773	12.973	116.746	150	8.429	HT2026
140	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông đoạn từ Km0 - Km39+500, Tỉnh lộ 673	Sở Xây dựng	B	2022-2026		235/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	144.511	94.511	101.085	57.800	36.250	Giai đoạn 2026-2030 nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác (ngân sách Trung ương hỗ trợ quản lý, bảo trì đường bộ,...)
(12)	UBND xã Đăk Pék						86.550	86.550	72.780	72.780	13.000	
	Dự án của Tỉnh											
141	Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei huyện Đăk Glei	UBND xã Đăk Pék	B	2022-2026	Xã Đăk Pek	1066; 15/11/2021	86.550	86.550	72.780	72.780	13.000	HT2026
(13)	UBND đặc khu Lý Sơn						75.000	36.100	48.665	10.000	4.750	
	Dự án của tỉnh											
142	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm nước cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	UBND đặc khu Lý Sơn	B	2018-2026	đặc khu Lý Sơn	2040/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1349/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	75.000	36.100	48.665	10.000	4.750	HT2026
(14)	UBND phường Nghĩa Lộ						700	700	387	387	285	
	Dự án huyện chuyển về xã/phường											
143	Xây dựng mới Nhà văn hóa tổ 05, phường Trần Phú	UBND phường Nghĩa Lộ	C	2025-2026	Phường Nghĩa Lộ	5434/QĐ-UBND 02/12/2024	700	700	387	387	285	HT2026
(15)	UBND phường Trương Quang Trọng						1.348	1.348	550	550	665	
	Dự án huyện chuyển về xã/phường											
144	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước tuyến Võ Nguyên giáp - Khu dân cư Diên Viên, xã Tịnh Ấn Tây (cũ)	UBND phường Trương Quang Trọng	C	2025-2026	phường Trương Quang Trọng	5737/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	1.348	1.348	550	550	665	HT2026
(16)	UBND xã An Phú						4.370	4.370	1.760	1.760	1.795	
	Dự án huyện chuyển về xã/phường											
145	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước từ ông Bùi Văn Trà đến trường Tiểu học, xã Nghĩa Đông	UBND xã An Phú	C	2025-2026	xã An Phú	5200/QĐ-UBND 18/11/2024	1.170	1.170	500	500	475	HT2026

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Dự kiến thời gian thực hiện	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư			Luỹ kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh	Ghi chú
						Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Tổng số	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh		Ngân sách tỉnh		
146	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước từ nhà ông Lê Văn Thuận đến Ninh Thị Vinh kết nối mương đến đường Trần Anh Tông, xã Nghĩa Đông	UBND xã An Phú	C	2025-2026	xã An Phú	5672/QĐ-UBND 16/12/2024	1.200	1.200	500	500	475	HT2026
147	Nâng cấp trung tâm văn hóa - thể thao xã Nghĩa An	UBND xã An Phú	C	2024-2026	xã An Phú	205/QĐ-UBND 23/01/2024	2.000	2.000	760	760	845	HT2026
(17)	UBND xã Tịnh Khê						12.280	12.280	3.300	3.300	7.483	
	Dự án huyện chuyển về xã/phường											
148	BTXM các tuyến đường giao thông nông thôn và hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Tịnh Thiện	UBND xã Tịnh Khê	C	2024-2026	xã Tịnh Khê	4040/QĐ-UBND 11/9/2023	2.800	2.800	1.500	1.500	1.126	HT2026
149	Nâng cấp mở rộng tuyến đường và hệ thống thoát nước từ Quốc lộ 24 B đến nhà văn hóa rẽ cổng chào thôn Mỹ Lai, xã Tịnh Khê	UBND xã Tịnh Khê	C	2025-2026	xã Tịnh Khê	5547/QĐ-UBND 06/12/2024	7.975	7.975	1.000	1.000	6.270	HT2026
150	Sửa chữa, cải tạo Bảng bia di tích Thành cổ Châu Sa	UBND xã Tịnh Khê	C	2025-2026	xã Tịnh Khê	5278/QĐ-UBND 21/11/2024	305	305	200	200	53	HT2026
151	Nâng cấp, sửa chữa di tích lịch sử Nhà lưu niệm Trương Quang Giao, xã Tịnh Khê	UBND xã Tịnh Khê	C	2025-2026	xã Tịnh Khê	4244/QĐ-UBND 23/9/2024	400	400	200	200	15	HT2026
152	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa các thôn của xã Tịnh Châu	UBND xã Tịnh Khê	C	2025-2026	xã Tịnh Khê	5146/QĐ-UBND 14/11/2024	800	800	400	400	18	HT2026
(18)	UBND xã Mô Cày						2.000	2.000	500	500	950	
	Dự án huyện chuyển về xã/phường											
153	Vùng sản xuất nông nghiệp núi Hoài An, Văn Bản	UBND xã Mô Cày	C	2025-2027	xã Mô Cày	154/QĐ-UBND, ngày 30/8/2023	2.000	2.000	500	500	950	HT2026
(19)	UBND xã Long Phụng						2.160	2.160	560	560	1.425	
	Dự án huyện chuyển về xã/phường											
154	Vùng sản xuất nông nghiệp Bốn Mẫu và Mẫu Trại	UBND xã Long Phụng	C	2025-2027	Xã Long Phụng	191/QĐ-UBND, ngày 05/12/2023	2.160	2.160	560	560	1.425	HT2026
(20)	UBND xã Tư Nghĩa						238.965	238.965	131.108	131.108	74.125	
	Dự án huyện chuyển về xã/phường											
155	Đường Trương Quang Giao, huyện Tư Nghĩa	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	C	2025-2027	xã Tư Nghĩa	3267/UBND ngày 30/5/2025	82.000	82.000	25.000	25.000	50.000	Đủ nhu cầu
156	Đường Phan Đình Phùng nối dài (đoạn từ KDC Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc)	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	B	2022-2026	xã Tư Nghĩa	18466 ngày 03/12/2021	126.965	126.965	83.800	83.800	21.200	Đủ nhu cầu
157	Mở rộng CCN La Hà, huyện Tư Nghĩa	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	C	2023-2026	xã Tư Nghĩa	6337/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	30.000	30.000	22.308	22.308	2.925	HT 2026
(21)	UBND xã Nghĩa Hành						330.000	330.000	256.306	256.306	40.000	
	Dự án huyện chuyển về xã/phường											
158	Kè chống sạt lở Sông Phước Giang đoạn qua thị trấn Chợ Chùa	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	2023-2026	xã Nghĩa Hành	5438/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	250.000	250.000	185.406	185.406	35.000	Đủ nhu cầu

[illegible]

[illegible]